

Số: 49/2023/CV-HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2023

Về việc: *CBTT đính chính báo cáo quản trị công ty năm 2022*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (“VPBank”)

- Mã chứng khoán: VPB

- Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: (84-24) 3928 8869

- Fax: (84-24) 3928 8867

- Email: ir@vpbank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

VPBank đã công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022 theo CV số 09/2023/CV-HĐQT ngày 27/01/2023 theo đúng quy định công bố thông tin định kỳ tại Thông tư 96/2020/TT-BTC (Thông tư 96). Tuy nhiên sau khi rà soát lại, có một số phần trình bày đang chưa đúng theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư 96. Do vậy, VPBank bổ sung và làm rõ một số nội dung tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022, cụ thể như sau:

| STT | Hạng mục trong Báo cáo tình hình quản trị | Nội dung đính chính |
|-----|---|--|
| 1 | Mục I: Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) | Trình bày lại các Nghị quyết thông qua tại ĐHCĐ theo dạng bảng biểu như đúng mẫu quy định tại Phụ lục V – Thông tư 96. |
| 2 | Mục II, khoản 1 và 2: Thông tin về thành viên HĐQT và các cuộc họp HĐQT | Trình bày lại, tách riêng thành hai bảng biểu như đúng mẫu quy định tại Phụ lục V – Thông tư 96. |
| 3 | Mục II, khoản 5: Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT trong năm 2022 | Trình bày lại và bổ sung danh mục các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo mẫu quy định tại Phụ lục V – Thông tư 96. |



| | | |
|---|---|--|
| 4 | Mục VII/Phụ lục 02: Danh sách về người có liên quan của công ty và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty | Trình bày lại theo mẫu bảng biểu quy định tại Phụ lục V – Thông tư 96. |
| 5 | Mục VIII/Phụ lục 03: Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ | Trình bày lại theo mẫu bảng biểu quy định tại Phụ lục V – Thông tư 96. |

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/04/2023 tại đường dẫn <https://www.vpbank.com.vn/quan-he-nha-dau-tu>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022 (Bản đính chính)

Đại diện tổ chức
 Người đại diện theo pháp luật/
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Ngô Chí Dũng



BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2022

- Tên đơn vị: Ngân hàng Việt nam Thịnh Vượng (VPBank)
- Địa chỉ trụ sở chính : 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: 04309288900 Fax: 043.9288901
- Email (đăng ký công bố thông tin): vanphonghdqt@vpbank.com.vn
- Vốn điều lệ: 67.434.236.010.000 đồng.
- Mã chứng khoán: VPB
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của VPBank diễn ra vào ngày 29/04/2022. VPBank không thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2022.

| Stt | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|------------|---|
| 1 | NQ01/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022. |
| 2 | NQ02/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 |
| 3 | NQ03/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua toàn văn Báo cáo của Hội đồng quản trị VPBank |
| 4 | NQ04/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua toàn văn Báo cáo của Ban kiểm soát VPBank |
| 5 | NQ05/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 |



| | | | |
|----|-----------------|------------|---|
| 6 | NQ06/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông nhất việc điều chỉnh tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa cho phù hợp với các đợt phát hành cổ phiếu |
| 7 | NQ07/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông nhất Phương án phát hành/bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên VPBank năm 2022 |
| 8 | NQ08/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát VPBank năm 2022 |
| 9 | NQ09/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập cho Ngân hàng và công ty con của Ngân hàng |
| 10 | NQ10/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ |
| 11 | NQ11/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua phương án đầu tư mua công ty con là Công ty bảo hiểm Opes |
| 12 | NQ12/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông nhất kế hoạch góp vốn bổ sung vào Công ty con là Công ty cổ phần chứng khoán VPBank (VPBankS). |
| 13 | NQ13/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông nhất một số phương án về đầu tư góp vốn, hợp tác, liên doanh, liên kết... khác |
| 14 | NQ14/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông nhất một số giao dịch với các công ty con. |
| 15 | NQ15/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông nhất Thống nhất giao cho Hội đồng quản trị một số nội dung |
| 16 | NQ16/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua việc xin cấp phép bổ sung các ngành nghề kinh doanh của VPBank. |
| 17 | NQ17/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua việc xuất toán các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật |
| 18 | NQ18/2022/ĐHĐCĐ | 29/04/2022 | Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và toàn văn Điều lệ VPBank |

II. Hội đồng quản trị.

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|-----------------|--------------------|---|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ngô Chí Dũng | Chủ tịch HĐQT | Bổ nhiệm lại từ 29/05/2020 | |
| 2 | Bùi Hải Quân | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại từ 29/05/2020 | |
| 3 | Lô Bằng Giang | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại từ 29/05/2020 | |
| 4 | Nguyễn Đức Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm lại từ 29/05/2020 | |
| 5 | Nguyễn Văn Phúc | Thành viên độc lập | Bổ nhiệm mới từ 29/05/2020 | |

2. Các cuộc họp HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ngô Chí Dũng | 4 | 100% | |
| 2 | Bùi Hải Quân | 4 | 100% | |
| 3 | Lô Bằng Giang | 4 | 100% | |
| 4 | Nguyễn Đức Vinh | 4 | 100% | |
| 5 | Nguyễn Văn Phúc | 4 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

- ✓ Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban Điều hành (12 cuộc họp hàng tháng).
- ✓ Giám sát hoạt động của Ngân hàng qua các báo cáo hoạt động kinh doanh hàng ngày, tuần, tháng, quý và các báo cáo/đề xuất phát sinh khác từ Ban Điều hành.

- ✓ Giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ các báo cáo của Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ đối với các đơn vị của Ngân hàng.
- ✓ Giám sát thông qua việc tham gia các phiên họp/báo cáo của Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự...

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

4.1 Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự tổ chức họp 12 phiên họp định kỳ hàng tháng, thảo luận và triển khai các nội dung chính như sau:

- Xem xét và có các chỉ đạo kịp thời hàng tháng về các chỉ số nhân sự và hoạt động hàng tháng của Khối QTNNL cũng như các công ty thành viên.
- Xem xét phê duyệt gần 800 tờ trình liên quan đến việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chỉnh lương cho các vị trí quản lý.
- Tư vấn cho HĐQT các hoạt động định kỳ như: Phương án chia thưởng hiệu quả làm việc năm 2021, Phê duyệt định biên và chi phí nhân sự năm 2022.
- Xem xét và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định nội bộ Ngân hàng.
- Phê duyệt các phân khúc nhân sự tại VPBank để có chiến lược đãi ngộ, giữ chân và phát triển nhân sự: Nhân sự chủ chốt (critical role), Nhân sự quan trọng (Hot Jobs), Xác định các đối tượng kế nhiệm (Succession planning).
- Tư vấn cho HĐQT về việc phân bổ ESOP cho CBNV. Thừa ủy quyền của HĐQT để đánh giá và phê duyệt danh sách CBNV tham gia ESOP năm 2022
- Cập nhật & Tư vấn cho HĐQT về việc rà soát và quyết định điều chỉnh mô hình hoạt động của các đơn vị chuyên môn tại Khối Khách hàng cá nhân, Khối Vận hành, Khối Quản trị Rủi ro, Trung tâm thu hồi nợ, Khối Ngân hàng giao dịch & Định chế quốc tế...
- Chỉ đạo khối QTNNL thực hiện dự án đánh giá, rà soát hệ thống bậc công việc nhằm đảm bảo toàn bộ nhóm công việc được cập nhật các thay đổi theo đúng thực tế, mang lại sự công bằng và hỗ trợ việc phân bổ các chính sách đãi ngộ hợp lý.
- Tư vấn cho HĐQT trong việc mở rộng mô hình phê duyệt và thẩm định tín dụng đối với KH FDI, đánh giá tính hiệu quả trong việc chuyển đổi mô hình vận hành tại khối KHCN.

4.2 Ủy ban Quản lý rủi ro

Trong năm 2022, Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) đã theo dõi sát sao tình hình quản trị rủi ro của ngân hàng, luôn trong thế chủ động, kịp thời đưa ra các định hướng để đối phó với các diễn biến phức tạp của thị trường trong bối cảnh cần chuyển đổi để thích ứng với trạng thái “bình thường mới” sau đại dịch và những biến động địa chính trị khó lường trên khắp thế giới. Nhờ vậy, Ngân hàng vẫn đảm bảo duy trì chất lượng tài sản ở mức ổn định và duy trì bộ đệm bảo vệ vững chắc cho các hoạt động tăng trưởng tín dụng. Trong năm 2022, UBQLRR đã triển khai các nội dung chính sau:

- Căn cứ theo Tuyên bố khẩu vị rủi ro giai đoạn 2022-2024 và Bộ chỉ tiêu chiến lược về quản lý rủi ro từ trên xuống năm 2022, tình hình tuân thủ của các chỉ tiêu rủi ro được báo cáo định kỳ lên UBQLR và chuẩn bị sẵn sàng các kế hoạch hành động. Nhờ đó, các chỉ tiêu rủi ro của Ngân hàng được duy trì trong ngưỡng an toàn đồng thời đảm bảo thống nhất với mục tiêu chiến lược kinh doanh của VPBank.

- Đồng hành cùng nỗ lực mới của Ngân hàng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững, UBQLRR chủ trương đưa việc quản lý rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị vào văn hóa rủi ro của ngân hàng. VPBank đã thực hiện rà soát khung quản trị rủi ro (QTRR) với EY và được xác nhận phù hợp với các quy định trong nước, các tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro ESG. Về yêu cầu công bố thông tin, EY đánh giá VPBank đã thực hiện các công bố thông tin cơ bản theo khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm về Công bố thông tin tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD).
- Các bài kiểm tra sức chịu đựng về vốn (ICAAP) và thanh khoản (ILAAP) tiếp tục được thực hiện với tần suất 2 lần 1 năm theo kế hoạch đã được UBQLRR phê duyệt. Theo đó, bài kiểm tra sử dụng những giả định về (i) tình hình kinh tế vĩ mô trước tác động của chiến tranh Nga-Ukraina, (ii) các chính sách của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong nỗ lực kiểm soát lạm phát và (iii) các điều chỉnh trong chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Kết quả kiểm tra sức chịu đựng cung cấp đầu vào quan trọng, hỗ trợ ban lãnh đạo trong việc xây dựng các kế hoạch dự phòng.
- UBQLRR định hướng xây dựng khung QTRR tuân thủ theo quy định của NHNN, đồng thời chú trọng hướng tới việc nâng cấp theo các chuẩn mực quốc tế. Trong năm 2022, UBQLRR đã phê duyệt điều chỉnh một số phương pháp luận tính toán số liệu tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như IFRS9, Basel 3 – Phương pháp tiêu chuẩn hóa, v.v. Việc đưa vào áp dụng theo các tiêu chuẩn nâng cao sẽ giúp ngân hàng có được đánh giá tín nhiệm cao hơn, có lợi thế hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn từ bên ngoài.
- Trong bối cảnh nền kinh tế nửa cuối năm 2022 diễn biến đầy bất thường, UBQLRR tiếp tục hoạt động tích cực trên cương vị tham mưu và giám sát việc thực hiện Chiến lược quản trị kinh doanh liên tục trên toàn hàng để duy trì trạng thái hoạt động ổn định, đảm bảo đạt được các mục tiêu phát triển kinh doanh của ngân hàng;
- Nhằm đáp ứng các yêu cầu của NHNN và chuẩn bị một nền tảng QTRR vững mạnh cho năm 2023 – năm đầu tiên của chiến lược 5 năm tiếp theo, UBQLRR đã thông qua và báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt (i) Chi phí vốn áp dụng năm 2023; và (ii) Khẩu vị rủi ro 2023-2025 và Danh sách các hoạt động trọng yếu, rủi ro trọng yếu cho năm 2023, v.v.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2022 (Phụ lục 01 đính kèm).

III. Ban kiểm soát.

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS).

| Stt | Thành viên BKS/ | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|-------------------------|----------------------|--|---------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Mai Trinh | Trưởng Ban Kiểm soát | Từ ngày 29/05/2020 đến hết ngày 25/12/2022 (*) | Tiến sỹ |
| 2 | Bà Kim Ly Huyền | Trưởng Ban Kiểm soát | Từ ngày 26/12/2022 (*) | Thạc sỹ |
| | | Thành viên | Từ ngày 26/04/2019 đến hết ngày 25/12/2022 | |

| | | | | |
|---|-------------------------|-------------------------|--------------------|---------|
| 3 | Bà Trịnh Thị Thanh Hằng | Thành viên chuyên trách | Từ ngày 10/04/2017 | Thạc sỹ |
| 4 | Ông Vũ Hồng Cao | Thành viên | Từ ngày 26/04/2019 | Đại học |

(*) Ngày 23/12/2022, BKS nhận được đơn của Bà Nguyễn Thị Mai Trinh – Trưởng BKS gửi ĐHĐCĐ và HĐQT xin rút khỏi vị trí thành viên BKS từ ngày 26/12/2022 vì lý do cá nhân. Tất cả các thành viên BKS- bao gồm Bà Trinh đã thống nhất các nội dung công việc của bà Trinh sẽ được bàn giao cho 03 Thành viên BKS còn lại thực hiện kể từ ngày 26/12/2022 cho đến khi chính thức được Đại hội đồng cổ đông VPBank phê duyệt miễn nhiệm chức danh thành viên BKS của Bà Trinh.

2. Cuộc họp của BKS

| Stt | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|---------------------|-------------------|------------------|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Mai Trinh | 9 | 100% | 100% | Nghỉ phép và đã ủy quyền lại cho TV BKS |
| 2 | Bà Trịnh Thị Thanh Hằng | 10 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Kim Ly Huyền | 10 | 100% | 100% | |
| 4 | Ông Vũ Hồng Cao | 10 | 100% | 100% | |

Trong năm 2022, BKS đã tổ chức 10 cuộc họp để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của BKS. Tại các cuộc họp, BKS đã trao đổi về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm hàng Quý và có các định hướng cho bộ phận Kiểm toán nội bộ (“KTNB”) các công tác liên quan ... Cụ thể:

- ✓ Ngày 20/01/2022: Họp Quý I/2022 BKS trao đổi các nội dung chính về: (i) Tổng kết hoạt động BKS năm 2021; (ii) Kế hoạch trọng tâm Quý I/2022;
- ✓ Ngày 18/03/2022: Họp BKS thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021;
- ✓ Ngày 05/04/2022: Họp Quý II/2022 BKS trao đổi các nội dung chính về: (i) Tổng kết hoạt động của BKS Quý I năm 2022; (ii) Thông qua Báo cáo hoạt động BKS năm 2021 để báo cáo đại hội đồng cổ đông; (iii) Kế hoạch trọng tâm Quý II/2022;
- ✓ Ngày 22/07/2022: Họp Quý III/2022- BKS: (i) Tổng kết hoạt động của BKS Quý II năm 2022; (ii) Thông qua điều chỉnh kế hoạch kiểm toán năm 2022 (iii) Kế hoạch trọng tâm Quý III/2022;
- ✓ Ngày 08/08/2022: Họp BKS thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính bán niên 2022;
- ✓ Ngày 21/10/2022: Họp Quý IV/2022- BKS: (i) Sơ kết hoạt động của BKS Quý III năm 2022 (ii) Thông qua nguyên tắc lập kế hoạch kiểm toán năm 2023 (iii) Kế hoạch trọng tâm Quý IV/2022;
- ✓ Ngày 21/11/2022: Họp điều chỉnh phân công nhiệm vụ các thành viên BKS;
- ✓ Ngày 14/12/2022: Họp BKS thông qua kết quả Kế hoạch kiểm toán năm 2023;

- ✓ Ngày 23/12/2022: Họp BKS về đơn từ nhiệm của Bà Nguyễn Thị Mai Trinh- Trưởng BKS và bầu Trưởng BKS mới;
- ✓ Ngày 23/12/2022: Họp phân công nhiệm vụ các thành viên BKS.

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban Giám đốc điều hành (“BDH”) và cổ đông:

Hoạt động giám sát của BKS đã chú trọng chủ yếu vào: (i) Công tác quản trị điều hành của VPBank; (ii) Việc thực hiện của HĐQT, BDH đối với các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu kinh doanh của VPBank đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Thông qua kết quả giám sát ở các cấp độ và kết quả KTNB, BKS đã kịp thời đưa ra những kiến nghị với HĐQT, BDH các biện pháp tăng cường kiểm soát, hoàn thiện quy định nội bộ, tăng cường văn hóa tuân thủ ở một số đơn vị... nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT, BDH, BKS đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Các ý kiến, kiến nghị của BKS/KTNB đã được BDH ghi nhận và bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.

5. Hoạt động khác của BKS:

Quản lý cấp cao đối với Kiểm toán nội bộ: BKS có các định hướng và chỉ đạo KTNB (i) triển khai kế hoạch kiểm toán hàng năm bao quát được các rủi ro chính trong các hoạt động, bộ phận và quy trình trọng yếu của Ngân hàng; (ii) thường xuyên cập nhật rủi ro để có những điều chỉnh cách tiếp cận kiểm toán phù hợp với diễn biến thực tế của ngân hàng và yêu cầu mới của pháp luật, cơ quan quản lý- nếu có.

Tính đến 31/12/2022, KTNB đã/đang thực hiện được 34/36 cuộc kiểm toán, có 02 cuộc kiểm toán sẽ chuyển sang thực hiện trong Quý 1/2023 do ảnh hưởng của việc tuyển dụng nhân sự chưa đủ định biên theo kế hoạch năm và dành nguồn lực ưu tiên thực hiện một số công việc quản lý.

Bên cạnh đó, BKS chỉ đạo KTNB theo dõi và đôn đốc việc thực hiện khắc phục các kiến nghị kiểm toán bảo đảm đầy đủ, đúng thời hạn.

Công tác thẩm định báo cáo tài chính: Theo quy định của Luật các TCTD, trong năm 2022, BKS đã chỉ đạo KTNB hoàn thành việc thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm của VPBank nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank.

Công tác báo cáo NHNN: Đối với công tác báo cáo NHNN, Ngân hàng luôn tuân thủ và kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà Nước các nội dung theo yêu cầu định kỳ và đột xuất.

Công tác Đào tạo, tuyển dụng, quản trị nhân sự: Tổ chức các cuộc đào tạo để nâng cao chất lượng nhân sự KTNB đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ kiểm toán đặc biệt trong bối cảnh số hóa của ngân hàng. Có các giải pháp để giữ chân các nhân sự quan trọng của KTNB thông qua việc phát triển, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm và triển khai các chính sách chung của ngân hàng

IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---|--|
| 1 | Ông Nguyễn Đức Vinh | 16.09.1958 | Thạc sỹ quản trị kinh doanh | 04.07.2012 |
| 2 | Bà Lưu Thị Thảo | 08.04.1974 | Cử nhân kế toán Thành viên của Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA) Thành viên của Hiệp hội kế toán công chứng Úc (CPA Australia). | 16.07.2018 |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Bình | 25.05.1966 | Cử nhân tài chính ngân hàng/ Chương trình đào tạo sau đại học về Chính sách công - Fulbright Việt Nam | 21.02.2002 |
| 4 | Ông Phan Ngọc Hòa | 03.01.1971 | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | 23.01.2010 Đã miễn nhiệm từ ngày 10.05.2022 |
| 5 | Bà Dương Thị Thu Thủy | 04.03.1965 | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Cao cấp | 09.04.2009 |
| 6 | Ông Nguyễn Thành Long | 19.07.1966 | Thạc sỹ Luật học | 07.01.2014 |
| 7 | Ông Phạm Phú Khôi | 16.12.1963 | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | 06.07.2015 |
| 8 | Ông Đinh Văn Nho | 02.10.1977 | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | 01.07.2018 |
| 9 | Ông Phùng Duy Khương | 24.07.1976 | Thạc sỹ Kế toán | 03.01.2019 |
| 10 | Phạm Thị Nhung | 02.04.1980 | Cử nhân kinh tế đối ngoại Thẩm định viên về giá – Bộ tài chính | 27.04.2021 |

V. Kế toán trưởng

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|---------------------|---------------------|--|---------------------------|
| Nguyễn Thị Thu Hằng | 22.11.1973 | Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành kế toán kiểm toán | 28.12.2012 |

VI. Đào tạo về quản trị công ty

VPBank là thành viên bạch kim của Viện đào tạo Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam, thường xuyên cập nhật các thông tin mới về các thông lệ mới quản trị công ty.

VII. Danh sách về người có liên quan của VPBank và giao dịch của người có liên quan của VPBank với VPBank (Phụ lục 02 đính kèm).

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Phụ lục 03 đính kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT & BKS (để biết)
- Lưu VPHĐQT.

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Ngô Chí Dũng

Phụ lục 01: Các nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|---------------|---|-----------------|
| 1 | 1 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/1/2022 | Quy chế tổ chức hoạt động Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ | 100% |
| 2 | 2 / 2022/NQ-HĐQT | 6/1/2022 | Thông qua dự kiến kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của VPB SMBC FC | 100% |
| 3 | 2a / 2022/NQ-HĐQT | 10/1/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Đồng Xuân | 100% |
| 4 | 3 / 2022/NQ-HĐQT | 10/1/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Đông Hà Nội | 100% |
| 5 | 4 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/1/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 6 | 5 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/1/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 7 | 6 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/1/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 8 | 7 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/1/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 9 | 8 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/1/2022 | Ban hành danh sách công ty thẩm định giá độc lập được lựa chọn cung cấp dịch vụ định giá Tài sản đảm bảo tại VPBank | 100% |
| 10 | 9 / 2022/QĐ-HĐQT | 12/1/2022 | Chuyển nhượng tài sản tại Phường Mỹ Phước, thành Phố Long Xuyên, tỉnh An Giang | 100% |
| 11 | 10 / 2022/NQ-HĐQT | 13/1/2022 | Thông qua mua/nhận chuyển nhượng cổ phần tại công ty cổ phần chứng khoán ASC | 100% |
| 12 | 11 / 2022/QĐ-HĐQT | 13/1/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 13 | 12 / 2022/QĐ-HĐQT | 13/1/2022 | Quy chế hội đồng sản phẩm | 100% |
| 14 | 13 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/1/2022 | Quy định nghiệp vụ tín dụng chứng từ tại VPBank | 100% |
| 15 | 14 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/1/2022 | Quy định mua, bán trái phiếu tại VPBank | 100% |
| 16 | 14a / 2022/QĐ-HĐQT | 14/1/2022 | Sửa đổi, bổ sung quy định số 14/2022/QĐ-HĐQT về mua bán trái phiếu doanh nghiệp tại VPBank | 100% |
| 17 | 15 / 2022/QĐ-HĐQT | 18/1/2022 | Quy định phát hành, thanh toán và sử dụng thẻ tại VPBank | 100% |
| 18 | 16 / 2022/QĐ-HĐQT | 20/1/2022 | Quy chế, cơ cấu tổ chức và thành lập, thay đổi, điều chỉnh các Khối/Trung tâm trong hệ thống VPBank | 100% |
| 19 | 17 / 2022/QĐ-HĐQT | 20/1/2022 | Quy định về hệ thống công việc tại VPBank | 100% |
| 20 | 18 / 2022/NQ-HĐQT | 25/1/2022 | Chuyển địa điểm phòng giao dịch Gia Lâm | 100% |
| 21 | 19 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/1/2022 | Quy định đầu tư, góp vốn mua cổ phần của VPBank tại các doanh nghiệp, tổ chức khác | 100% |
| 22 | 20 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/1/2022 | Chính sách tuân thủ pháp lý của VPBank | 100% |
| 23 | 21 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/1/2022 | Tuyên bố khẩu vị rủi ro tuân thủ | 100% |
| 24 | 22 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/1/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 25 | 23 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/1/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 26 | 24 / 2022/NQ-HĐQT | 9/2/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Kiên Giang | 100% |
| 27 | 25 / 2022/NQ-HĐQT | 9/2/2022 | Thông qua kế hoạch tham gia phương án cơ cấu lại một tổ chức tín dụng | 100% |
| 28 | 26 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/2/2022 | Sửa đổi cơ cấu tổ chức Khối Vận Hành | 100% |
| 29 | 27 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/2/2022 | Nâng cấp, đổi tên và sửa đổi cơ cấu tổ chức của Trung tâm định chế tài chính và ngân hàng giao dịch thành khối Ngân hàng giao dịch và trung tâm Quốc Tế | 100% |

| STT | Số Quyết định/NQ | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------|---------------|---|-----------------|
| 30 | 28 / 2022/NQ-HĐQT | 10/2/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Hoa Lư | 100% |
| 31 | 29 / 2022/NQ-HĐQT | 10/2/2022 | Nghị quyết cử người đại diện vốn góp ASC | 100% |
| 32 | 30 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Điều chỉnh lương nhân sự | 100% |
| 33 | 31 / 2022/NQ-HĐQT | 14/2/2022 | Thông qua chủ trương tham gia phương án cơ cấu lại một tổ chức tín dụng | 100% |
| 34 | 32 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 35 | 33 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 36 | 34 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 37 | 35 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 38 | 36 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 39 | 37 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 40 | 38 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 41 | 39 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 42 | 40 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 43 | 41 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 44 | 42 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 45 | 43 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 46 | 44 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 47 | 45 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 48 | 46 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 49 | 47a / 2022/NQ-HĐQT | 14/2/2022 | Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính và các nội dung kiểm toán 2022 cho VPBank và các công ty con | 100% |
| 50 | 47 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 51 | 48 / 2022/QĐ-HĐQT | 16/2/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 52 | 49 / 2022/QĐ-HĐQT | 16/2/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 53 | 50 / 2022/QĐ-HĐQT | 16/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 54 | 51 / 2022/NQ-HĐQT | 18/2/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Sóc Trăng | 100% |
| 55 | 52 / 2022/NQ-HĐQT | 18/2/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Ninh Thuận | 100% |
| 56 | 53 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 57 | 54 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 58 | 55 / 2022/QĐ-HĐQT | 23/2/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 59 | 56 / 2022/QĐ-HĐQT | 23/2/2022 | Ban hành chỉ tiêu chiến lược về quản lý rủi ro theo phương pháp tiếp cận từ trên xuống 2022 | 100% |
| 60 | 57 / 2022/QĐ-HĐQT | 23/2/2022 | Điều chỉnh cơ cấu, tổ chức hoạt động của khối KHCN và một số Khối/ Trung tâm liên quan | 100% |
| 61 | 58 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 62 | 59 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 63 | 60 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 64 | 61 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 65 | 62 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 66 | 63 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 67 | 64 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|---------------|---|-----------------|
| 68 | 65 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 69 | 66 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 70 | 67 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 71 | 68 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 72 | 69 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 73 | 70 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 74 | 71 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 75 | 72 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 76 | 73 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/2/2022 | Thành lập tổ công tác IPO/M&A với ngân hàng và công ty tài chính | 100% |
| 77 | 74 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/1/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 78 | 75 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/3/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 79 | 76 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/3/2022 | Quyết định phụ cấp nhân sự | 100% |
| 80 | 77 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/3/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 81 | 78 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/3/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 82 | 79 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/3/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 83 | 80 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/3/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 84 | 81 / 2022/NQ-HĐQT | 1/3/2022 | Thông qua chủ chương phát triển mạng lưới 2022 | 100% |
| 85 | 82 / 2022/NQ-HĐQT | 1/3/2022 | Nghị quyết thành lập chi nhánh Củ Chi | 100% |
| 86 | 83 / 2022/QĐ-HĐQT | 2/3/2022 | Bán TS tại phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội | 100% |
| 87 | 84 / 2022/NQ-HĐQT | 4/3/2022 | Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự ĐHCĐ thường niên 2022 | 100% |
| 88 | 85 / 2022/NQ-HĐQT | 8/3/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Bạc Liêu | 100% |
| 89 | 86 / 2022/NQ-HĐQT | 8/3/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Điện Biên | 100% |
| 90 | 87 / 2022/NQ-HĐQT | 8/3/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Lương Sơn | 100% |
| 91 | 88 / 2022/QĐ-HĐQT | 8/3/2022 | Quy định vay gắn kết | 100% |
| 92 | 89 / 2022/QĐ-HĐQT | 9/3/2022 | Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Công Nghệ Thông Tin | 100% |
| 93 | 90 / 2022/QĐ-HĐQT | 9/3/2022 | Sửa đổi cơ cấu tổ chức khối Công nghệ thông tin | 100% |
| 94 | 91 / 2022/NQ-HĐQT | 16/3/2022 | Chuyển địa điểm phòng giao dịch Ecopark | 100% |
| 95 | 92 / 2022/NQ-HĐQT | 16/3/2022 | Chuyển địa điểm chi nhánh Lào Cai | 100% |
| 96 | 93 / 2022/NQ-HĐQT | 16/3/2022 | Chuyển địa điểm PGD Kim Tân | 100% |
| 97 | 94 / 2022/NQ-HĐQT | 16/3/2022 | Chuyển địa điểm chi nhánh Quảng Ngãi | 100% |
| 98 | 95 / 2022/NQ-HĐQT | 17/3/2022 | Phê duyệt khoản vay từ ngân hàng Malayan Banking Berhad- chi nhánh Singapore và ngân hàng Simitomo Mitsui Banking Corporation - chi nhánh Singapore và các bên cho vay khác | 100% |
| 99 | 96 / 2022/NQ-HĐQT | 17/3/2022 | Nghị quyết phương án kinh doanh khoản vay Maybank và Sumitomo | 100% |
| 100 | 97 / 2022/NQ-HĐQT | 18/3/2022 | Bổ sung kế hoạch kinh doanh 2022, phương án A2 | 100% |
| 101 | 97a / 2022/QĐ-HĐQT | 22/3/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 102 | 98 / 2022/QĐ-HĐQT | 22/3/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|---------------|---|-----------------|
| 103 | 99 / 2022/QĐ-HĐQT | 22/3/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 104 | 100 / 2022/NQ-HĐQT | 23/3/2022 | Phương án phát hành trái phiếu | 100% |
| 105 | 101 / 2022/NQ-HĐQT | 23/3/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Lê Văn Việt | 100% |
| 106 | 102 / 2022/NQ-HĐQT | 23/3/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Đông Xuân | 100% |
| 107 | 103 / 2022/QĐ-HĐQT | 23/3/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 108 | 104 / 2022/QĐ-HĐQT | 23/3/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 109 | 105 / 2022/NQ-HĐQT | 23/3/2022 | Thay đổi địa điểm và tên gọi PGD Phước Kiếng | 100% |
| 110 | 106 / 2022/QĐ-HĐQT | 25/3/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 111 | 107 / 2022/NQ-HĐQT | 5/4/2022 | Đổi tên PGD Ecopark | 100% |
| 112 | 108 / 2022/NQ-HĐQT | 5/4/2022 | Đổi tên PGD Trần Duy Hưng | 100% |
| 113 | 109 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/4/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 114 | 110 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/4/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 115 | 111 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/4/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 116 | 112 / 2022/NQ-HĐQT | 4/4/2022 | Thông qua chủ chương phát triển mạng lưới 2022 | 100% |
| 117 | 113 / 2022/NQ-HĐQT | 11/4/2022 | Thống nhất chương trình Nghị sự ĐHĐCĐ2022 và dự thảo nghị quyết trình ĐHĐCĐ | 100% |
| 118 | 113a / 2022/NQ-HĐQT | 12/4/2022 | Chuyển địa điểm phòng giao dịch Hồng Hà | 100% |
| 119 | 114 / 2022/QĐ-HĐQT | 13/4/2022 | Sửa đổi cơ cấu tổ chức khối Khách hàng Doanh nghiệp | 100% |
| 120 | 115 / 2022/QĐ-HĐQT | 13/4/2022 | Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm truyền thông và tiếp thị | 100% |
| 121 | 116 / 2022/QĐ-HĐQT | 13/4/2022 | Điều chỉnh cơ cấu khối Quản trị rủi ro, khối tín dụng, trung tâm xử lý nợ pháp lý | 100% |
| 122 | 117 / 2022/QĐ-HĐQT | 13/4/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 123 | 118 / 2022/QĐ-HĐQT | 13/4/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 124 | 119 / 2022/NQ-HĐQT | 14/4/2022 | Thực hiện giao dịch hoán đổi lãi suất một đồng tiền giữa VPBank và SMBC | 100% |
| 125 | 120 / 2022/NQ-HĐQT | 14/4/2022 | Cử người đại diện theo ủy quyền tại công ty cổ phần bảo hiểm Opes | 100% |
| 126 | 121 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/4/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 127 | 122 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/4/2022 | Bán TS tại Tổ 4, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, Hòa Bình | 100% |
| 128 | 123 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/4/2022 | Bán TS tại Tổ 15, phường Thái Bình, thành phố Hòa Bình, Hòa Bình | 100% |
| 129 | 124 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/4/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 130 | 125 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/4/2022 | Thành lập phòng cấu trúc nợ tại Khối tín dụng | 100% |
| 131 | 126 / 2022/NQ-HĐQT | 14/4/2022 | Chuyển địa điểm phòng giao dịch Đồng Văn | 100% |
| 132 | 127 / 2022/NQ-HĐQT | 21/4/2022 | Nghị quyết thực hiện hoái đổi lãi suất VPBank với ngân hàng nước ngoài | 100% |
| 133 | 127a / 2022/QĐ-HĐQT | 22/4/2022 | Quyết định bán danh mục dư nợ tín chấp | 100% |
| 134 | 128 / 2022/QĐ-HĐQT | 25/4/2022 | Mua cổ phần bổ sung của công ty cổ phần chứng khoán ASC | 100% |
| 135 | 129 / 2022/QĐ-HĐQT | 26/4/2022 | Mua cổ phần bổ sung của công ty cổ phần chứng khoán ASC (lần 2) | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|---------------|--|-----------------|
| 136 | 130 / 2022/QĐ-HĐQT | 26/4/2022 | Sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức hoạt động của Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ | 100% |
| 137 | 131 / 2022/QĐ-HĐQT | 26/4/2022 | Sửa đổi, bổ sung quyết định 161/2021/QĐ-HĐQT ngày 28/7/2021 về thành lập Team Quality Assurance tại 4 Khối kinh doanh | 100% |
| 138 | 132 / 2022/QĐ-HĐQT | 26/4/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 139 | 133 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/4/2022 | Thành lập ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở của Ngân hàng | 100% |
| 140 | 134 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/4/2022 | Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của VPBank | 100% |
| 141 | 135 / 2022/NQ-HĐQT | 28/4/2022 | Thay đổi tên gọi và địa điểm Chi nhánh An Phú | 100% |
| 142 | 136 / 2022/NQ-HĐQT | 28/4/2022 | Thay đổi tên gọi và địa điểm Phòng giao dịch Phước Kiển | 100% |
| 143 | 137 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/4/2022 | Đổi tên Công ty CPCK ASC và cho phép công ty CPCK ASC sử dụng nhãn hiệu | 100% |
| 144 | 138 / 2022/NQ-HĐQT | 4/5/2022 | Thống nhất sửa đổi điều lệ VPBank 2022 | 100% |
| 145 | 139 / 2022/QĐ-HĐQT | 5/5/2022 | Bán TS tại tổ dân phố 6, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | 100% |
| 146 | 140 / 2022/QĐ-HĐQT | 5/5/2022 | Chuyển nhượng 03 Quyền sử dụng đất ở (tài sản) tại phường Phước Mỹ, thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang | 100% |
| 147 | 141 / 2022/QĐ-HĐQT | 5/5/2022 | Chuyển Nhượng khu phố 4, thị trấn Phú Thiện, Phú Thiện, Gia Lai | 100% |
| 148 | 142 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Cơ cấu nhân sự hội đồng tín dụng cấp cao | 100% |
| 149 | 143 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Cơ cấu nhân sự hội đồng tín dụng khu vực phía Bắc | 100% |
| 150 | 144 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Cơ cấu nhân sự hội đồng tín dụng phía Nam | 100% |
| 151 | 145 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Cơ cấu nhân sự hội đồng Xử lý nợ | 100% |
| 152 | 146 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Cơ cấu nhân sự hội đồng Xử lý nợ phía Nam | 100% |
| 153 | 147 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |
| 154 | 148 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Quyết định điều động nhân sự | 100% |
| 155 | 149 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Quyết định điều động nhân sự | 100% |
| 156 | 150 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 157 | 151 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/5/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 158 | 152 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/5/2022 | Quyết định chấm HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 159 | 153 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/5/2022 | Phân phối lợi nhuận năm 2021 của VPBank AMC | 100% |
| 160 | 154 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/5/2022 | Điều chuyển quỹ đầu tư phát triển từ VPBank AMC về VPBank | 100% |
| 161 | 155 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/5/2022 | Phân phối lợi nhuận năm 2021 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 100% |
| 162 | 156 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/5/2022 | Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán 2021 và phương án phân phối lợi nhuận 2021 của công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC(" VPB SMBC FC") | 100% |
| 163 | 157 / 2022/NQ-HĐQT | 10/5/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Trần Duy Hưng | 100% |
| 164 | 158 / 2022/NQ-HĐQT | 10/5/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Nguyễn Du | 100% |
| 165 | 158A / 2022/NQ-HĐQT | 16/5/2022 | Dự kiến bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Vinh, Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2022-2027 | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|---------------|---|-----------------|
| 166 | 159 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/5/2022 | Sửa đổi quy định cho vay đặc biệt của VPBank đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt số 216/2021/QĐ-HĐQT ngày 26/10/2021 | 100% |
| 167 | 160 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/5/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 168 | 161 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/5/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 169 | 162 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/5/2022 | Quyết định chi thù nhân sự | 100% |
| 170 | 163 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/5/2022 | Quyết định chi thù nhân sự | 100% |
| 171 | 164 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/5/2022 | Quyết định chi thù nhân sự | 100% |
| 172 | 165 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/5/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 173 | 166 / 2022/NQ-HĐQT | 24/5/2022 | Thông qua việc mua/nhận chuyển nhượng cổ phần tại công ty bảo hiểm OPES | 100% |
| 174 | 167 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/5/2022 | Quyết định thôi kiêm nhân sự | 100% |
| 175 | 168 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/5/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 176 | 169 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/5/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |
| 177 | 170 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/5/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |
| 178 | 171 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/5/2022 | Sửa đổi, bổ sung Quy định về trích lập và sử dụng dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất | 100% |
| 179 | 172 / 2022/NQ-HĐQT | 26/5/2022 | Sửa đổi điều lệ VPBank 2022 | 100% |
| 180 | 173 / 2022/NQ-HĐQT | 26/5/2022 | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên VPBank (ESOP) từ nguồn cổ phiếu quỹ | 100% |
| 181 | 174 / 2022/QĐ-HĐQT | 26/5/2022 | Quy chế về việc phát hành/chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2022 | 100% |
| 182 | 175 / 2022/NQ-HĐQT | 26/5/2022 | Thông qua danh sách CBNV được chào bán cổ phiếu theo chương trình ESOP từ nguồn cổ phiếu quỹ năm 2022 | 100% |
| 183 | 176 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 184 | 177 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 185 | 178 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 186 | 179 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 187 | 179a / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 188 | 180 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 189 | 181 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 190 | 182 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 191 | 183 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 192 | 184 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 193 | 185 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 194 | 186 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 195 | 187 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 196 | 188 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 197 | 189 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 198 | 190 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 199 | 191 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 200 | 192 / 2022/QĐ-HĐQT | 30/5/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |

| STT | Số Quyết định/NQ | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------|---------------|--|-----------------|
| 201 | 193 / 2022/QĐ-HĐQT | 2/6/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 202 | 194 / 2022/QĐ-HĐQT | 6/6/2022 | Sửa đổi cơ cấu khối khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư | 100% |
| 203 | 195 / 2022/QĐ-HĐQT | 7/6/2022 | Quyết định lương nhân sự | 100% |
| 204 | 196 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/6/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 205 | 197 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/6/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 206 | 198 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/6/2022 | Ban hành khung lương 2022 của VPBank | 100% |
| 207 | 199 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/6/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |
| 208 | 200 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/6/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 209 | 201 / 2022/QĐ-HĐQT | 17/6/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |
| 210 | 202 / 2022/NQ-HĐQT | 20/6/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Nguyễn Văn Cừ | 100% |
| 211 | 203 / 2022/NQ-HĐQT | 28/6/2022 | Thông qua phương án khoản vay 150 triệu USD IFC | 100% |
| 212 | 204 / 2022/NQ-HĐQT | 28/6/2022 | Phê duyệt khoản vay IFC | 100% |
| 213 | 205 / 2022/QĐ-HĐQT | 29/6/2022 | Quy định về tuân thủ pháp lý | 100% |
| 214 | 206 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/7/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 215 | 207 / 2022/NQ-HĐQT | 7/7/2022 | Báo cáo và thảo luận về chiến lược của Khối khách hàng cá nhân giai đoạn 2022-2026 | 100% |
| 216 | 208 / 2022/NQ-HĐQT | 7/7/2022 | Phương án tăng vốn điều lệ đợt 1 dự kiến năm 2022 | 100% |
| 217 | 209 / 2022/NQ-HĐQT | 1/7/2022 | Bổ nhiệm người đại diện phần vốn góp tại Công ty chứng khoán | 100% |
| 218 | 210 / 2022/QĐ-HĐQT | 7/7/2022 | Chuyển nhượng tài sản tại tổ dân phố 11, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, Hà Nội | 100% |
| 219 | 211 / 2022/QĐ-HĐQT | 6/7/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 220 | 212 / 2022/QĐ-HĐQT | 7/7/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 221 | 213 / 2022/NQ-HĐQT | 6/7/2022 | Phương án phát hành SBLC đối với KH công ty cổ phần BeGroup | 100% |
| 222 | 214 / 2022/QĐ-HĐQT | 15/7/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 223 | 215 / 2022/QĐ-HĐQT | 15/7/2022 | Quyết định thôi kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 224 | 216 / 2022/QĐ-HĐQT | 15/7/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |
| 225 | 217 / 2022/NQ-HĐQT | 15/7/2022 | Nghị quyết thông qua việc góp vốn, mua cổ phần OPES | 100% |
| 226 | 218 / 2022/NQ-HĐQT | 21/7/2022 | Thay đổi địa điểm Phòng giao dịch Ba Đồn | 100% |
| 227 | 219 / 2022/NQ-HĐQT | 21/7/2022 | Thay đổi địa điểm Phòng giao dịch Đội Cấn | 100% |
| 228 | 220 / 2022/NQ-HĐQT | 21/7/2022 | Thay đổi địa điểm Phòng giao dịch Nam Từ Liêm | 100% |
| 229 | 221 / 2022/NQ-HĐQT | 21/7/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Lê Văn Việt | 100% |
| 230 | 222 / 2022/QĐ-HĐQT | 25/7/2022 | Triển khai chương trình cho vay hỗ trợ đối với CBNV tại dự án Imperia Grand Plaza Đức Hòa, Long An | 100% |
| 231 | 223 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/7/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 232 | 224 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/7/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 233 | 225 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/7/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 234 | 226 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/7/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 235 | 227 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/7/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 236 | 228 / 2022/QĐ-HĐQT | 29/7/2022 | Quy định về tiền gửi có kỳ hạn tại VPBank | 100% |
| 237 | 228 / 2022/QĐ-HĐQT | 29/7/2022 | Quy định tiền gửi có kỳ hạn tại VPBank | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|---------------|--|-----------------|
| 238 | 229 / 2022/QĐ-HĐQT | 29/7/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 239 | 230 / 2022/NQ-HĐQT | 29/7/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Nguyễn Văn Cừ | 100% |
| 240 | 231a / 2022/QĐ-HĐQT | 29/7/2022 | Chính sách quản lý rủi ro môi trường, xã hội và quản trị | 100% |
| 241 | 231 / 2022/QĐ-HĐQT | 29/7/2022 | Sửa đổi, bổ sung quy định tiền gửi tiết kiệm tại VPBank số 529/2019/QĐI-HĐQT | 100% |
| 242 | 232 / 2022/NQ-HĐQT | 4/8/2022 | Chuyển nhượng tài sản số 65 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội | 100% |
| 243 | 233 / 2022/NQ-HĐQT | 10/8/2022 | Thống nhất thuê văn phòng giữa VPBank và công ty bất động sản Phương Nam 3A1 | 100% |
| 244 | 234 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/8/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 245 | 235 / 2022/NQ-HĐQT | 10/8/2022 | Chuyển nhượng tài sản số 65 Kim Mã, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội | 100% |
| 246 | 236 / 2022/NQ-HĐQT | 17/8/2022 | Kết quả chào bán cổ phiếu ESOP từ nguồn cổ phiếu quỹ | 100% |
| 247 | 237 / 2022/NQ-HĐQT | 19/8/2022 | Thay đổi địa điểm Phòng giao dịch Thủy Nguyên | 100% |
| 248 | 238 / 2022/QĐ-HĐQT | 19/8/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 249 | 239a / 2022/NQ-HĐQT | 24/8/2022 | Thay đổi tên gọi PGD Đội Cấn | 100% |
| 250 | 239 / 2022/NQ-HĐQT | 29/8/2022 | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại VPBank | 100% |
| 251 | 240 / 2022/NQ-HĐQT | 29/8/2022 | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ vốn chủ sở hữu | 100% |
| 252 | 241a / 2022/QĐ-HĐQT | 31/8/2022 | Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 100% |
| 253 | 241 / 2022/NQ-HĐQT | 31/8/2022 | Phương án phát hành trái phiếu | 100% |
| 254 | 242 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/8/2022 | Thành lập phòng tái thẩm định khách hàng FDI và FI tại Khối tín dụng | 100% |
| 255 | 243 / 2022/QĐ-HĐQT | 5/9/2022 | Ban hành tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu mục tiêu theo ngành, lĩnh vực kinh tế giai đoạn 2022-2024 | 100% |
| 256 | 244 / 2022/QĐ-HĐQT | 5/9/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 257 | 245 / 2022/QĐ-HĐQT | 5/9/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |
| 258 | 246 / 2022/NQ-HĐQT | 5/9/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Tiên Cát | 100% |
| 259 | 247 / 2022/NQ-HĐQT | 5/9/2022 | Thay đổi tên gọi PGD Tiên Cát | 100% |
| 260 | 248 / 2022/QĐ-HĐQT | 6/9/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 261 | 249 / 2022/QĐ-HĐQT | 6/9/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 262 | 250 / 2022/QĐ-HĐQT | 6/9/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 263 | 251 / 2022/NQ-HĐQT | 9/9/2022 | NQ thay đổi người đại diện phần vốn góp CTCK | 100% |
| 264 | 252 / 2022/NQ-HĐQT | 12/9/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Trường Thi | 100% |
| 265 | 253 / 2022/NQ-HĐQT | 16/9/2022 | Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện phát hành cổ phần từ vốn chủ sở hữu | 100% |
| 266 | 254 / 2022/NQ-HĐQT | 19/9/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Nguyễn Tri Phương | 100% |
| 267 | 255 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/9/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 268 | 256 / 2022/QĐ-HĐQT | 28/9/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 269 | 257 / 2022/NQ-HĐQT | 3/10/2022 | Thay đổi tên PGD Trường Thi | 100% |
| 270 | 258 / 2022/QĐ-HĐQT | 3/10/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 271 | 259 / 2022/QĐ-HĐQT | 3/10/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|---------------|--|-----------------|
| 272 | 260 / 2022/QĐ-HĐQT | 3/10/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 273 | 261 / 2022/QĐ-HĐQT | 3/10/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 274 | 262 / 2022/QĐ-HĐQT | 3/10/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 275 | 263 / 2022/QĐ-HĐQT | 3/10/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 276 | 264 / 2022/QĐ-HĐQT | 14/10/2022 | Sửa đổi quy chế, quy định liên quan đến kết quả đánh giá HQLV 6 tháng đầu năm | 100% |
| 277 | 265 / 2022/NQ-HĐQT | 14/10/2022 | Thay đổi địa điểm Phòng giao dịch Ninh Kiều | 100% |
| 278 | 266 / 2022/NQ-HĐQT | 14/10/2022 | Nghị quyết IFC | 100% |
| 279 | 267 / 2022/NQ-HĐQT | 14/10/2022 | Thay đổi tên gọi và địa điểm phòng giao dịch Nhà Bè | 100% |
| 280 | 268 / 2022/NQ-HĐQT | 14/10/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Tân Uyên | 100% |
| 281 | 269 / 2022/NQ-HĐQT | 14/10/2022 | Thay đổi tên gọi và địa điểm PGD Nhơn Hội | 100% |
| 282 | 270 / 2022/NQ-HĐQT | 14/10/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Văn Thánh | 100% |
| 283 | 271 / 2022/NQ-HĐQT | 14/10/2022 | Thay đổi điểm điểm PGD Đức Trọng | 100% |
| 284 | 272 / 2022/QĐ-HĐQT | 17/10/2022 | Bổ nhiệm Bùi Thị Như Quý Giám đốc Khu vực Gò Vấp, Vùng 9-RB | 100% |
| 285 | 273 / 2022/QĐ-HĐQT | 17/10/2022 | Phương pháp luận tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Basel 3 - phương pháp tiêu chuẩn hóa | 100% |
| 286 | 274 / 2022/QĐ-HĐQT | 20/10/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 287 | 275 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/10/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 288 | 276 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/10/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 289 | 277 / 2022/QĐ-HĐQT | 24/10/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 290 | 278 / 2022/NQ-HĐQT | 24/10/2022 | Phê duyệt khoản bảo lãnh cho công ty TNHH Sun Air về việc ký kết các văn bản giao dịch | 100% |
| 291 | 279 / 2022/NQ-HĐQT | 26/10/2022 | Chuyển địa điểm chi nhánh Thanh Trì | 100% |
| 292 | 280 / 2022/NQ-HĐQT | 27/10/2022 | Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền của cổ đông | 100% |
| 293 | 281 / 2022/QĐ-HĐQT | 27/10/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 294 | 282 / 2022/QĐ-HĐQT | 27/10/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 295 | 283 / 2022/QĐ-HĐQT | 27/10/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 296 | 284 / 2022/QĐ-HĐQT | 27/10/2022 | Quyết định điều chỉnh nhân sự | 100% |
| 297 | 285 / 2022/QĐ-HĐQT | 27/10/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 298 | 286 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/10/2022 | Quyết định thôi kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 299 | 287 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/10/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 300 | 288 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/10/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 301 | 289 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/10/2022 | Quyết định thôi kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 302 | 290 / 2022/QĐ-HĐQT | 1/11/2022 | Sửa đổi, bổ sung Quy định mua, bán trái phiếu doanh nghiệp tại VPBank số 14/2022/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2022 | 100% |
| 303 | 291 / 2022/NQ-HĐQT | 3/11/2022 | Phê duyệt khoản vay từ Ngân hàng phát triển Châu Á và việc ký kết các Tài liệu Giao dịch | 100% |
| 304 | 292 / 2022/NQ-HĐQT | 3/11/2022 | Phê duyệt khoản vay từ SMBC và đối tác | 100% |
| 305 | 293 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/11/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 306 | 294 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/11/2022 | Quyết định điều chỉnh lương nhân sự | 100% |
| 307 | 295 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/11/2022 | Quyết định tiếp nhận nhân sự | 100% |
| 308 | 296 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/11/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |
| 309 | 297 / 2022/QĐ-HĐQT | 4/11/2022 | Quyết định tuyển dụng nhân sự | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|---------------|---|-----------------|
| 310 | 298 / 2022/NQ-HĐQT | 8/11/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Vĩnh Long | 100% |
| 311 | 299 / 2022/NQ-HĐQT | 8/11/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Xuyên Mộc | 100% |
| 312 | 300 / 2022/QĐ-HĐQT | 10/11/2022 | Chi phí vốn áp dụng năm 2023 | 100% |
| 313 | 301 / 2022/NQ-HĐQT | 18/11/2022 | Thông qua phương án sử dụng và trả nợ đối với khoản vay từ ABV | 100% |
| 314 | 302 / 2022/NQ-HĐQT | 18/11/2022 | Thông qua phương án sử dụng và trả nợ đối với khoản vay từ ABV | 100% |
| 315 | 303 / 2022/NQ-HĐQT | 18/11/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Chương Mỹ | 100% |
| 316 | 304 / 2022/NQ-HĐQT | 18/11/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Quảng Trị | 100% |
| 317 | 305 / 2022/NQ-HĐQT | 18/11/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Thạch Thất | 100% |
| 318 | 306 / 2022/NQ-HĐQT | 18/11/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Chí Linh | 100% |
| 319 | 307 / 2022/QĐ-HĐQT | 18/11/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 320 | 308 / 2022/QĐ-HĐQT | 18/11/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 321 | 309 / 2022/NQ-HĐQT | 28/11/2022 | Hủy danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 100% |
| 322 | 309a / 2022/QĐ-HĐQT | 28/11/2022 | Ban hành điều lệ VPBank năm 2022 | 100% |
| 323 | 310 / 2022/NQ-HĐQT | 28/11/2022 | Thông qua đăng ký vốn điều lệ mới | 100% |
| 324 | 310a / 2022/QĐ-HĐQT | 29/11/2022 | Cử VPBank AMC tham gia đấu giá mua tài sản tại Cẩm Phả, Quảng Ninh | 100% |
| 325 | 311 / 2022/NQ-HĐQT | 2/12/2022 | Thông qua các giao dịch với người có liên quan- Công ty cổ phần bảo hiểm OPES | 100% |
| 326 | 312 / 2022/QĐ-HĐQT | 2/12/2022 | Tuyên bố khẩu vị rủi ro 2023-2025 | 100% |
| 327 | 313 / 2022/QĐ-HĐQT | 2/12/2022 | Danh sách có HĐ trọng yếu và danh sách các rủi ro trọng yếu | 100% |
| 328 | 314 / 2022/QĐ-HĐQT | 2/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 329 | 315 / 2022/QĐ-HĐQT | 2/12/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 330 | 316 / 2022/QĐ-HĐQT | 2/12/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 331 | 317 / 2022/QĐ-HĐQT | 2/12/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 332 | 318 / 2022/NQ-HĐQT | 2/12/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Hải Vân | 100% |
| 333 | 319 / 2022/NQ-HĐQT | 2/12/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Điện Biên Phủ | 100% |
| 334 | 320 / 2022/QĐ-HĐQT | 9/12/2022 | Chấm dứt HĐLĐ Kiều Phương Trung< GĐCN Quảng Nam | 100% |
| 335 | 321 / 2022/QĐ-HĐQT | 9/12/2022 | Tiếp nhận nhân sự Nguyễn Thị Lan, Giám đốc CN Sài Gòn | 100% |
| 336 | 322 / 2022/QĐ-HĐQT | 9/12/2022 | Tiếp nhận nhân sự Nguyễn Thị Lan, Giám đốc CN Sài Gòn | 100% |
| 337 | 323 / 2022/QĐ-HĐQT | 20/12/2022 | Mua cổ phần của Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank | 100% |
| 338 | 324 / 2022/QĐ-HĐQT | 20/12/2022 | Mua cổ phần của Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank (lần 2) | 100% |
| 339 | 325 / 2022/NQ-HĐQT | 20/12/2022 | Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh, ngân sách toàn hàng 2023 | 100% |
| 340 | 326 / 2022/QĐ-HĐQT | 22/12/2022 | Sửa đổi quy định cho vay đặc biệt của VPBank đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt | 100% |
| 341 | 327 / 2022/NQ-HĐQT | 23/12/2022 | Nghị quyết HĐQT về khoản vay từ DEG | 100% |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------------|---|-----------------------|
| 342 | 328 / 2022/QĐ-HĐQT | 26/12/2022 | Quyết định chấm dứt HĐLĐ nhân sự | 100% |
| 343 | 329 / 2022/NQ-HĐQT | 26/12/2022 | Thay đổi địa điểm chi nhánh Hoài Đức, Hà Nội | 100% |
| 344 | 330 / 2022/NQ-HĐQT | 26/12/2022 | Thay đổi địa điểm phòng giao dịch Quế Võ | 100% |
| 345 | 331 / 2022/NQ-HĐQT | 26/12/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Sóc Sơn | 100% |
| 346 | 332 / 2022/NQ-HĐQT | 26/12/2022 | Thay đổi địa điểm PGD Cửa Bắc | 100% |
| 347 | 333 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quy định đánh giá tín nhiệm đối với khách hàng định chế tài chính | 100% |
| 348 | 334 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định số 948/2019/QĐ-HĐQT về sửa đổi, bổ sung chính sách cấp hạn mức giao dịch đối với khách hàng Định chế tài chính | 100% |
| 349 | 335 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 350 | 336 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 351 | 337 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định bổ nhiệm nhân sự | 100% |
| 352 | 338 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 353 | 339 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 354 | 340 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 355 | 341 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 356 | 342 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 357 | 343 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 358 | 344 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 359 | 345 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 360 | 346 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 361 | 347 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 362 | 348 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 363 | 349 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 364 | 350 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 365 | 351 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 366 | 352 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 367 | 353 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 368 | 354 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 369 | 355 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 370 | 356 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Sửa đổi bổ sung Quy định xác định và phê duyệt hạn mức đối tác của VPBank đối với khách hàng là Định chế tài chính | 100% |
| 371 | 357 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 372 | 358 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 373 | 359 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 374 | 360 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định kiêm nhiệm nhân sự | 100% |
| 375 | 361 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Sửa đổi quy chế tổ chức của Khối Quản Trị Rủi ro | 100% |
| 376 | 362 / 2022/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Sửa đổi quy chế tổ chức của Khối Tín dụng | 100% |

1. Danh sách người có liên quan của công ty

PHỤ LỤC 02: Danh sách về người có liên quan của VPBank và giao dịch của người có liên quan của VPBank với VPBank

| STT | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản giao dịch chung (nếu có) | Chức vụ công tác tại Công ty (nếu có) | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|------------------------|--|------------------------------------|--|--------------------------------|---|---|---|---|-------------------------------------|
| A. Người nội bộ | | | | | | | | | |
| 1 | Ngô Chí Dũng | | Chủ tịch HĐQT | | | 29/05/2020 | | | Người nội bộ |
| 2 | Bùi Hải Quân | | Phó chủ tịch HĐQT | | | 29/05/2020 | | | Người nội bộ |
| 3 | Là Bằng Giang | | Phó chủ tịch HĐQT | | | 29/05/2020 | | | Người nội bộ |
| 4 | Nguyễn Văn Phúc | | Thành viên HĐQT độc lập | | | 29/05/2020 | | | Người nội bộ |
| 5 | Nguyễn Đức Vinh | | Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT | | | 29/05/2020 | | | Người nội bộ |
| 6 | Nguyễn Thị Mai Trinh | | Trưởng ban kiểm soát | | | 29/05/2020 | 26/12/2022 | Bà Nguyễn Thị Mai Trinh xin từ nhiệm khỏi vị trí thành viên BKS | Người nội bộ |
| 7 | Kim Ly Huyền | | Trưởng ban kiểm soát | | | 29/05/2020 | | | Người nội bộ |
| 8 | Trình Thị Thanh Hằng | | Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát | | | 29/05/2020 | | | Người nội bộ |
| 9 | Vũ Hồng Cao | | Thành viên Ban Kiểm soát | | | 29/05/2020 | | | Người nội bộ |
| 10 | Lưu Thị Thảo | | Phó Tổng Giám đốc thường trực | | | 16/7/2018 | | | Người nội bộ |
| 11 | Dương Thị Thu Thủy | | Phó Tổng Giám đốc | | | 09/04/2009 | | | Người nội bộ |
| 12 | Nguyễn Thanh Long | | Phó Tổng Giám đốc | | | 07/01/2014 | | | Người nội bộ |
| 13 | Phạm Phú Khởi | | Phó Tổng Giám đốc | | | 06/07/2015 | | | Người nội bộ |
| 14 | Nguyễn Thanh Bình | | Phó Tổng Giám đốc | | | 21/02/2002 | | | Người nội bộ |
| 15 | Đinh Văn Nho | | Phó Tổng Giám đốc | | | 1/7/2018 | | | Người nội bộ |
| 16 | Phùng Duy Khương | | Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách phía Nam | | | 3/1/2019 | | | Người nội bộ |
| 17 | Phạm Thị Nhung | | Phó Tổng Giám đốc | | | 27/4/2021 | | | Người nội bộ |
| 18 | Lê Hoàng Khanh An | | Giám đốc Tài chính | | | 26/4/2020 | | | Người nội bộ |
| 19 | Nguyễn Thị Thu Hằng | | Kế Toán Trưởng | | | 28/12/2012 | | | Người nội bộ |
| 20 | Lê Lan Kim | | Người phụ trách quản trị Công ty/thư ký công ty | | | 01/01/2021 | | | Người nội bộ |
| B. Công ty con | | | | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB AMC) | | | | Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội, cấp thay đổi lần gần nhất ngày 28 tháng 12 năm 2016 | Năm 2006 | | | Công ty con do VPBank sở hữu 100% |
| 2 | Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC) | | | | Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp thay đổi gần nhất ngày 14 tháng 2 năm 2022 | Năm 2007 | | | Công ty con do VPBank sở hữu 50% |
| 3 | Công ty cổ phần chứng khoán VPBank (VPBanks) | | | | Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 106/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 4 năm 2009 và Giấy phép Điều chỉnh gần nhất ngày 16 tháng 1 năm 2023 | Năm 2022 | | | Công ty con do VPBank sở hữu 99,93% |
| 4 | Công ty cổ phần bảo hiểm OPES (OPES) | | | | Giấy phép thành lập và hoạt động số 79/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất ngày 16 tháng 12 năm 2021 | Năm 2022 | | | Công ty con do VPBank sở hữu 98% |

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Chi chú |
|-----|---|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---------|
| 1 | Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPPB AMC) | Công ty con do VPPBank sở hữu 100% | | | Phát sinh nhiều giao dịch trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Giao dịch nhân tiền gửi của VPB AMC tại VPPBank, tổng giá trị trong năm 2022 là 191 tỷ đồng | |
| 2 | Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC) | Công ty con do VPPBank sở hữu 50% | | | Phát sinh nhiều giao dịch trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Giao dịch nhân tiền gửi của VPB SMBC FC tại VPPBank, tổng giá trị tiền gửi trong năm 2022 là 302,6 nghìn tỷ đồng. | |
| 3 | Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC) | Công ty con do VPPBank sở hữu 50% | | | Phát sinh hàng tháng trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Dịch vụ tư vấn và các dịch vụ thu phí khác do VPPBank cung cấp cho VPB SMBC FC. Doanh thu dịch vụ tư vấn và phí khác trong năm 2022 là 169 tỷ đồng. | |
| 4 | Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC) | Công ty con do VPPBank sở hữu 50% | | | Phát sinh trong Quý 4 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Giao dịch mua nợ của VPPBank với VPB SMBC FC. Giá trị mua nợ trong năm 2022 là 5 nghìn tỷ đồng. | |
| 5 | Công ty cổ phần chứng khoán VPPBank (VPBanks) | Công ty con do VPPBank sở hữu 99,95% | | | Phát sinh nhiều giao dịch trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Giao dịch nhân tiền gửi của VPPBanks tại VPPBank, tổng giá trị tiền gửi trong năm 2022 là 556 tỷ đồng | |
| 6 | Công ty cổ phần chứng khoán VPPBank (VPBanks) | Công ty con do VPPBank sở hữu 99,95% | | | Phát sinh tại 26/1/2022, 26/5/2022 và 15/9/2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | VPPBanks cung cấp dịch vụ tư vấn cho VPPBank theo các hợp đồng dịch vụ tư vấn ký kết trong năm 2022. Tổng giá trị các dịch vụ tư vấn trong năm 2022 là 3,35 tỷ đồng | |
| 7 | Công ty cổ phần chứng khoán VPPBank (VPBanks) | Công ty con do VPPBank sở hữu 99,95% | | | Phát sinh nhiều giao dịch trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | VPPBanks cung cấp dịch vụ chuyên nhượng chứng khoán cho VPPBank với tổng giá trị giao dịch trong năm 2022 là 2,16 tỷ đồng | |

| | | | | | | | |
|----|--|--|--|---|--|--|---|
| 8 | Công ty cổ phần chứng khoán VPBank (VPBanks) | Công ty con do VPBank sở hữu 99,95% | | 14/1/2022; 26/4/2022; 21/1/2/2022 | Nghị quyết HĐQT số 10/2022/NQ-HĐQT ban hành ngày 13/1/2022 về việc thông qua việc mua/nhận chuyển nhượng cổ phần tại công ty chứng khoán ASC; và các quyết định số 128-129/QĐ-HĐQT ban hành ngày 25-26/4/2022 về việc mua cổ phần bổ sung tại công ty chứng khoán ASC. | - Ngày 14 tháng 1 năm 2022, Ngân hàng đã nhận chuyển nhượng 26.186.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC, tương đương tỷ lệ sở hữu 97,42% - Ngày 26 tháng 4 năm 2022, Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC tăng vốn điều lệ lên thành 8.920 tỷ đồng, trong đó, VPBank nắm giữ 891.306.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu 99,9222% - Ngày 21 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank tăng vốn điều lệ lên 15.000 tỷ đồng, trong đó VPBank nắm giữ 1.499.306.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu 99,9537% Tổng giá trị tăng vốn góp ở VPBanks trong năm 2022 là 15 nghìn tỷ đồng. | Ngày 26 tháng 5 năm 2022, Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank theo Giấy phép điều chỉnh số 40/GPBC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. |
| 9 | Công ty cổ phần bảo hiểm OPES (OPES) | Công ty con do VPBank sở hữu 98% | | Phát sinh giao dịch từ 1/1/2022 đến 31/1/2/2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Giao dịch nhận tiền gửi của OPES tại VPBank, tổng giá trị tiền gửi trong năm 2022 là 79 tỷ đồng. | |
| 10 | Công ty cổ phần bảo hiểm OPES (OPES) | Công ty con do VPBank sở hữu 98% | | Phát sinh giao dịch từ 1/1/2022 đến 31/1/2/2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Các giao dịch chi phí phát sinh từ dịch vụ bảo hiểm do OPES chi trả cho VPBank trong năm 2022 là 145 tỷ đồng. | |
| 11 | Công ty cổ phần bảo hiểm OPES (OPES) | Công ty con do VPBank sở hữu 98% | | 02/12/2022 | Nghị quyết HĐQT số 311/2022/NQ-HĐQT ban hành ngày 21/2/2022 về việc Thông qua các hợp đồng giao với người liên quan - công ty cổ phần bảo hiểm OPES | Giao dịch cung cấp dịch vụ, tương đó OPES là công ty cấp đơn bảo hiểm cho VPBank cho các đơn bảo hiểm: - Bảo hiểm Các thành viên Hội đồng quản trị và cấp quản lý cho các tổ chức tài chính - Lốp cơ sở - Bảo hiểm Các thành viên Hội đồng quản trị và cấp quản lý cho các tổ chức tài chính - bảo hiểm vượt mức Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp định chế tài chính | |
| 12 | Công ty cổ phần bảo hiểm OPES (OPES) | Công ty con do VPBank sở hữu 98% | | Phát sinh nhiều giao dịch trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 166/2022/NQ-HĐQT ban hành ngày 24/5/2022 Nghị quyết HĐQT số 217/2022/NQ-HĐQT ban hành ngày 15/7/2022 về việc Thông qua việc mua/nhận chuyển nhượng cổ phần tại công ty bảo hiểm OPES | Ngày 1 tháng 11 năm 2022, Ngân hàng đã nhận chuyển nhượng 47.850.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES, nâng tổng số cổ phần VPBank nắm giữ tại OPES từ 6.050.000 lên 53.900.000 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ sở hữu 98%. | |
| 13 | Công ty cổ phần Đầu tư Việt Hải | Công ty do ông Bùi Hải Quân là Chủ tịch HĐQT | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank | |

| | | | | | | | | | |
|----|---|---|--|--|--|--------------------------|--|------------------------------|--|
| 14 | Công ty cổ phần Eurowindow Holding | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tung- con rể ông Ngô Chí Dũng là thành viên HĐQT kiêm giám đốc tài chính | | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HPQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank | |
| 15 | Công ty cổ phần EuroFinance | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tung- con rể ông Ngô Chí Dũng làm chủ tịch HĐQT | | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HPQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank | |
| 16 | Công ty cổ phần đầu tư trung tâm thương mại Vinh (Vicentra) | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tung- con rể ông Ngô Chí Dũng làm thành viên HĐQT | | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HPQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank | |
| 17 | Công ty TNHH một thành viên Thủy Design House | Công ty do bà Nguyễn Thu Thủy - vợ ông Lê Bằng Giang sở hữu | | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HPQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank | |
| 18 | Công ty TNHH Quốc Tế Dương Đạt | Công ty do bà Nguyễn Thu Thủy - vợ ông Lê Bằng Giang sở hữu | | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HPQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank | |
| 19 | Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Đông Sơn | Công ty do bà Nguyễn Thị Nhung - chị gái ông Nguyễn Đức Vinh sở hữu 51,16% vốn điều lệ và giữ chức Giám Đốc | | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HPQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank | |

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (liệt kê thời điểm lập báo cáo)

| STT | Tên tổ chức cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT ... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|---------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---|--|
| 1 | Công ty cổ phần Đầu tư Việt Hải | Công ty do ông Bùi Hải Quân là Chủ tịch HĐQT | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank |

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành

| STT | Tên tổ chức cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT ... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|---|---|------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|---|--|
| 1 | Công ty cổ phần Eurowindow Holding | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng- con rể ông Ngô Chí Dũng là thành viên HĐQT kiêm giám đốc tài chính | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank |
| 2 | Công ty cổ phần EuroFinance | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng- con rể ông Ngô Chí Dũng làm chủ tịch HĐQT | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank |
| 3 | Công ty cổ phần đầu tư trung tâm thương mại Vinh (V/centra) | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng- con rể ông Ngô Chí Dũng làm thành viên HĐQT | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank |
| 4 | Công ty TNHH một thành viên Thủy Design House | Công ty do bà Nguyễn Thu Thủy- vợ ông Lê Bằng Giang sở hữu | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank |
| 5 | Công ty TNHH Quốc Tế Dương Đại | Công ty do bà Nguyễn Thu Thủy- vợ ông Lê Bằng Giang sở hữu | | | Phát sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank |

| | | | | | |
|---|---|---|--------------------------|--|------------------------------|
| 6 | Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Đông Sơn | Công ty do bà Nguyễn Thị Nhung - chỉ gái ông Nguyễn Đức Vinh sở hữu 51,16% vốn điều lệ và giữ chức Giám Đốc | Phạt sinh trong năm 2022 | Nghị quyết HĐQT số 183/2021/N-Q-HĐQT ban hành ngày 1/9/2021 về việc thông qua hợp đồng giao dịch với các bên liên quan | Hợp đồng tiền gửi tại VPBank |
|---|---|---|--------------------------|--|------------------------------|

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

PHỤ LỤC 3: Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Họ tên | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ (tại công ty (nếu có)) | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|------|--|--|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---|
| 1 | Ngô Chí Dũng | | Chủ tịch HĐQT | | | 328.553.899 | 4,872% | |
| 1.1 | Ngô Chí Trình | | | | | - | - | Bố ruột |
| 1.2 | Vũ Thị Quyên | | | | | 325.888.953 | 4,833% | Mẹ ruột |
| 1.3 | Phạm Công Việt | | | | | 90.160 | 0,001% | Bố vợ |
| 1.4 | Đặng Thị Lâm | | | | | 393.201 | 0,006% | Mẹ vợ |
| 1.5 | Hoàng Anh Minh | | | | | 326.753.193 | 4,846% | Vợ |
| 1.6 | Ngô Minh Phương | | | | | 10.799.880 | 0,160% | Con ruột |
| 1.7 | Ngô Phương Anh | | | | | - | - | con ruột |
| 1.8 | Ngô Chí Trung Johnny | | | | | - | - | Con ruột |
| 1.9 | Nguyễn Cảnh Sơn Tùng | | | | | - | - | Con ruột |
| 1.10 | Ngô Thị Khánh Hòa | | | | | - | - | Chi ruột |
| 1.11 | Ngô Thanh Hằng | | | | | - | - | Chi ruột |
| 1.12 | Tần Ngọc Bé | | | | | 51.629.770 | 0,766% | Anh rể |
| 1.13 | Lê Thiệu Sơn | | | | | 73 | 0,000% | Anh rể |
| 1.14 | Công ty cổ phần Eurowindow Holding | | | | | - | - | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng- con rể làm thành viên HĐQT kiêm giám đốc tài chính |
| 1.15 | Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng số 1 Hà Nội (HICC1) | | | | | - | - | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng- con rể làm thành viên HĐQT |
| 1.16 | Công ty cổ phần Đầu tư trung tâm thương mại Hà Nội – MATECORA (Vicentra) | | | | | - | - | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng- con rể sở hữu trên 10% VDJ |
| 1.17 | Công ty cổ phần EuroFinance | | | | | - | - | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng- con rể làm chủ tịch HĐQT |
| 1.18 | Công ty cổ phần đầu tư trung tâm thương mại Vinh (Vicentra) | | | | | - | - | Công ty do Ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng – con rể làm thành viên HĐQT |
| 1.19 | Công ty cổ phần Eurowindow Quang Bình Five Star | | | | | - | - | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tùng- con rể làm Chủ tịch HĐQT |

| | | | | | | | | | |
|------|--|--|-------------------|--|--|--|---------------|--------|---|
| 1.20 | Công ty cổ phần Dầu tư Nhà Mátxcova – Hà Nội | | | | | | | - | Công ty do ông Nguyễn Cảnh Sơn Tung- con rể làm thành viên HĐQT |
| 2 | Bùi Hải Quân | | Phụ chủ tịch HĐQT | | | | 1.563.292.202 | 2,318% | Bố ruột |
| 2.1 | Bùi Đình Đỗ | | | | | | - | - | Mé ruột |
| 2.2 | Mạc Thị Hiền | | | | | | - | - | bố vợ |
| 2.3 | Kim Ngọc Tâm | | | | | | - | - | Mé vợ - Dã mắt |
| 2.4 | Cao Thị Chin | | | | | | - | - | |
| 2.5 | Kim Ngọc Cẩm Ly | | | | | | 286.603.963 | 4,250% | Vợ |
| 2.6 | Bùi Cẩm Thi | | | | | | - | - | Con ruột |
| 2.7 | Bùi Hải Ngân | | | | | | - | - | Con ruột |
| 2.8 | Bùi Hải Sơn | | | | | | - | - | Anh ruột |
| 2.9 | Võ Thanh Thủy | | | | | | - | - | Chi đầu |
| 2.10 | Công ty cổ phần Dầu tư Việt Hải | | | | | | - | - | - Công ty do Bà Kim Ngọc Cẩm Ly - Vợ Ông Quân số hưu 9% VDL - Công ty do người kê khai số hưu từ 10% VDL trở lên - Công ty do người kê khai làm Chủ tịch HĐQT |
| 2.11 | Công ty CP Văn Công nghệ Cao Bison | | | | | | - | - | - Công ty do người kê khai số hưu từ 10% VDL trở lên - Công ty do người kê khai làm thành viên HĐQT |
| 2.12 | Công ty cổ phần bảo hiểm OPES | | | | | | - | - | Công ty do người kê khai làm chủ tịch HĐQT - Công ty con của VPBank |
| 3 | Lô Bằng Giang | | Phụ chủ tịch HĐQT | | | | 8.249.316 | 0,122% | Bố ruột - Dã mắt |
| 3.1 | Lô Trung Hải | | | | | | - | - | Mé ruột |
| 3.2 | Lý Thị Thu Hà | | | | | | 282.127.582 | 4,184% | Bố vợ - Dã mắt |
| 3.3 | Nguyễn Phú Đức | | | | | | - | - | Mé vợ |
| 3.4 | Trần Thị Kim Thuần | | | | | | - | - | Mé vợ |
| 3.5 | Nguyễn Thu Thủy | | | | | | 203.349.411 | 3,016% | Vợ |
| 3.6 | Lô Thủy Dương Sophia | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ |
| 3.7 | Lô Thủy Vy Kristina | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ |
| 3.8 | Lô An Tôn | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ |
| 3.9 | Lô Thủy Minh Melania | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ |
| 3.10 | Lô Hải Yên Ngọc | | | | | | 4.376.259 | 0,065% | Chi ruột |
| 3.11 | Nguyễn Văn Thành | | | | | | - | - | Anh rể |
| 3.12 | Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC) | | | | | | - | - | Công ty do người kê khai làm Chủ tịch HĐQT - Công ty con của VPBank |
| 3.13 | Công ty TNHH một thành viên Thy Design House | | | | | | - | - | Công ty do bà Nguyễn Thu Thủy – vợ ông Lô Bằng Giang số hưu |
| 3.14 | Công ty TNHH Quốc Tế Dương Đại | | | | | | - | - | Công ty do bà Nguyễn Thu Thủy – vợ ông Lô Bằng Giang số hưu |

| | | | | | | | | | | | |
|------|--|--|------------------------------------|--|--|--|--|-------------|--|--------|--|
| 3.15 | Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật Yên Thanh | | | | | | | | | - | Công ty do ông Nguyễn Văn Thanh – anh rể ông Lô Bằng Giang sở hữu kiêm tổng giám đốc |
| 4 | Nguyễn Văn Phúc | | Thành viên HĐQT độc lập | | | | | | | - | |
| 4.1 | Nguyễn Văn Duy | | | | | | | | | - | bố ruột |
| 4.2 | Nguyễn Thị Cúc | | | | | | | | | - | mẹ ruột - Đả mắt |
| 4.3 | Lê Đình Long | | | | | | | | | - | Bố vợ - Đả mắt |
| 4.4 | Nguyễn Thị Vân | | | | | | | | | - | Mẹ vợ - Đả mắt |
| 4.5 | Lê Thị Kim Hoa | | | | | | | | | - | Vợ |
| 4.6 | Nguyễn Phúc An | | | | | | | | | - | con ruột |
| 4.7 | Nguyễn Phúc Hiếu | | | | | | | | | - | con ruột |
| 4.8 | Đặng Phương Anh | | | | | | | | | - | Con dâu |
| 4.9 | Nguyễn Thị Hạnh | | | | | | | | | - | Chị ruột |
| 4.10 | Nguyễn Thị Vinh | | | | | | | | | - | Em ruột |
| 4.11 | Nguyễn Thị Hoa | | | | | | | | | - | Em ruột |
| 4.12 | Nguyễn Văn Thọ | | | | | | | | | - | Em ruột |
| 4.13 | Lê Quang Kính | | | | | | | | | - | Anh rể |
| 4.14 | Phan Xuân Hòa | | | | | | | | | - | Em rể |
| 4.15 | Trần Thị Hải Yến | | | | | | | | | - | Em dâu |
| 5 | Nguyễn Đức Vinh | | Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT | | | | | 104.905.020 | | 1,556% | |
| 5.1 | Nguyễn Văn Sâm | | | | | | | - | | - | Bố ruột - Đả mắt |
| 5.2 | Phạm Thị Thanh | | | | | | | - | | - | mẹ ruột - Đả mắt |
| 5.3 | Đỗ Xuân Nghị | | | | | | | - | | - | bố vợ - Đả mắt |
| 5.4 | Đinh Thị Bích Hoàn | | | | | | | - | | - | mẹ vợ |
| 5.5 | Đỗ Quỳnh Ngân | | | | | | | 43.690.102 | | 0,648% | vợ |
| 5.6 | Nguyễn Đức Giang | | | | | | | 27.167.017 | | 0,403% | con ruột |
| 5.7 | Nguyễn Quỳnh Phương | | | | | | | - | | - | con ruột |
| 5.8 | Nguyễn Việt Phương | | | | | | | - | | - | Con dâu |
| 5.9 | Nguyễn Thị Nhung | | | | | | | - | | - | chị ruột |
| 5.10 | Nguyễn Đức Tâm | | | | | | | - | | - | anh ruột |
| 5.11 | Nguyễn Đức Thịnh | | | | | | | - | | - | anh ruột |
| 5.12 | Nguyễn Đức Lợi | | | | | | | - | | - | anh ruột |
| 5.13 | Nguyễn Thị Kim Hải | | | | | | | - | | - | chị ruột |
| 5.14 | Nguyễn Thị Nguyệt Nga | | | | | | | - | | - | chị ruột |
| 5.15 | Nguyễn Văn Xuyên | | | | | | | - | | - | Anh rể - Đả mắt |
| 5.16 | Đỗ Kim Thịnh | | | | | | | - | | - | chị dâu |
| 5.17 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | | | | | | | - | | - | chị dâu |
| 5.18 | Trần Thị Hoa | | | | | | | - | | - | chị dâu |
| 5.19 | Phạm Ngọc Trân | | | | | | | - | | - | anh rể |
| 5.20 | Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (VPB SMBC FC) | | | | | | | - | | - | Công ty con của VPBank do người kê khai là thành viên HĐQT |
| 5.21 | Công ty TNHH Thương mại Hữu Lợi | | | | | | | - | | - | Công ty do con trai Nguyễn Đức Giang sở hữu 34% vốn điều lệ |
| 5.22 | Công ty cổ phần Công nghệ Xanh BEKNOW | | | | | | | - | | - | Công ty do con trai Nguyễn Đức Giang sở hữu 34% vốn điều lệ |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|------|---|--|--------------------------|--|--|--|--|---------|--------|---|--|--|--|--|--|--|--|--|---|
| 5.23 | Công ty cổ phần Dầu tư và thương mại Đông Sơn | | | | | | | | | | | | | | | | | | Công ty do chi gái Nguyễn Thị Nhung sở hữu 51,16% vốn điều lệ |
| 6 | Nguyễn Thị Mai Trinh | | Trưởng ban kiểm soát | | | | | 212.731 | 0,003% | Bà Nguyễn Thị Mai Trinh đã từ nhiệm từ ngày 26/12/2022 | | | | | | | | | |
| 6.1 | Nguyễn Nghiêm Minh | | | | | | | - | - | Bố ruột - Đã mất | | | | | | | | | |
| 6.2 | Trần Thị Bạch Mai | | | | | | | 22 | 0,000% | Mẹ ruột | | | | | | | | | |
| 6.3 | Dương Việt Thăng | | | | | | | - | - | Bố chồng - Đã mất | | | | | | | | | |
| 6.4 | Nguyễn Thế Chiêu | | | | | | | - | - | Mẹ chồng | | | | | | | | | |
| 6.5 | Dương Việt Long | | | | | | | 1 | 0,000% | Chồng | | | | | | | | | |
| 6.6 | Dương Nguyễn Mai Linh | | | | | | | 670 | 0,000% | Con ruột | | | | | | | | | |
| 6.7 | Dương Châu An | | | | | | | - | - | Con ruột | | | | | | | | | |
| 6.8 | Nguyễn Minh Trung | | | | | | | - | - | Anh trai | | | | | | | | | |
| 6.9 | Phạm Thị Phương Hằng | | | | | | | - | - | Chi dậu | | | | | | | | | |
| 6.10 | Công ty TNHH Linh An Việt Nam | | | | | | | - | - | Công ty do bà Nguyễn Thị Mai Trinh sở hữu 90% vốn điều lệ | | | | | | | | | |
| 6.11 | Công ty TNHH Thương mại đầu tư TLD | | | | | | | - | - | Công ty do bà Nguyễn Thị Mai Trinh sở hữu 44% vốn điều lệ | | | | | | | | | |
| 7 | Kim Ly Huyền | | Trưởng ban kiểm soát | | | | | 269.997 | 0,004% | | | | | | | | | | |
| 7.1 | Kim Ngọc Chinh | | | | | | | - | - | bố ruột | | | | | | | | | |
| 7.2 | Lê Thị Sơn | | | | | | | - | - | mẹ ruột | | | | | | | | | |
| 7.3 | Lê Như Mậu | | | | | | | - | - | bố chồng - Đã mất | | | | | | | | | |
| 7.4 | Nguyễn Thị Uỳnh | | | | | | | - | - | Mẹ chồng - Đã mất | | | | | | | | | |
| 7.5 | Lê Như Ngọc | | | | | | | - | - | Chồng | | | | | | | | | |
| 7.6 | Lê Huyền Mỹ | | | | | | | - | - | Con ruột | | | | | | | | | |
| 7.7 | Lê Hoàng Nguyễn | | | | | | | - | - | Con ruột | | | | | | | | | |
| 7.8 | Kim Ngọc Quang | | | | | | | - | - | Em ruột | | | | | | | | | |
| 7.9 | Kim Ngọc Tuyền | | | | | | | - | - | Em ruột | | | | | | | | | |
| 7.10 | Nguyễn Thị Hiền Lương | | | | | | | - | - | Em dậu | | | | | | | | | |
| 7.11 | Vũ Thanh Hương | | | | | | | - | - | Em dậu | | | | | | | | | |
| 8 | Trần Thị Thanh Hằng | | Thành viên Ban Kiểm soát | | | | | 144.555 | 0,002% | | | | | | | | | | |
| 8.1 | Trần Bá Phiến | | | | | | | - | - | Bố ruột | | | | | | | | | |
| 8.2 | Nguyễn Thị Dân | | | | | | | - | - | Mẹ ruột - Đã mất | | | | | | | | | |
| 8.3 | Nghiêm Xuân Nông | | | | | | | - | - | Bố chồng | | | | | | | | | |
| 8.4 | Nguyễn Thị Sâm | | | | | | | - | - | Mẹ chồng | | | | | | | | | |
| 8.5 | Nghiêm Xuân Đức | | | | | | | - | - | Chồng | | | | | | | | | |
| 8.6 | Nghiêm Xuân Tung | | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ | | | | | | | | | |
| 8.7 | Nghiêm Xuân Sơn | | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ | | | | | | | | | |
| 8.8 | Trần Thị Thanh Mai | | | | | | | - | - | Chi ruột | | | | | | | | | |
| 8.9 | Trần Thanh Chương | | | | | | | - | - | Anh ruột | | | | | | | | | |
| 8.10 | Trần Thị Thanh Vân | | | | | | | - | - | Chi ruột | | | | | | | | | |
| 8.11 | Trần Thị Thanh Nhân | | | | | | | - | - | Chi ruột | | | | | | | | | |
| 8.12 | Nguyễn Trung Chính | | | | | | | - | - | Anh rể | | | | | | | | | |
| 8.13 | Công ty TNHH Transland Hà Nội | | | | | | | - | - | Công ty do ông Trần Thanh Chương anh ruột làm Chủ tịch HĐQT | | | | | | | | | |
| 9 | Vũ Hồng Cao | | Thành viên Ban Kiểm soát | | | | | 378.855 | 0,006% | | | | | | | | | | |
| 9.1 | Vũ Oanh | | | | | | | - | - | Bố ruột - Đã mất | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|-------|---|--|--|--|--|--|-----------|--------|--|
| 14.7 | Nguyễn Anh Tuấn | | | | | | | - | Con ruột |
| 14.8 | Nguyễn Minh Anh | | | | | | | - | Con ruột |
| 14.9 | Nguyễn Quang Minh | | | | | | | - | Anh ruột |
| 14.10 | Nguyễn Thanh Nam | | | | | | | - | Anh ruột - Đã mất |
| 14.11 | Nguyễn Thanh An | | | | | | | - | Em ruột - Đã mất |
| 14.12 | Nguyễn Thị Thanh Nhân | | | | | | | 1 | Em ruột |
| 14.13 | Nguyễn Thanh Bắc | | | | | | | 12.234 | Em ruột |
| 14.14 | Lê Thị Vân | | | | | | | - | Chi dậu |
| 14.15 | Phạm Thị Mẫn | | | | | | | - | Chi dậu |
| 14.16 | Đinh Thanh Huyền | | | | | | | - | Em dậu |
| 14.17 | Nguyễn Thê Vương | | | | | | | - | Em rể |
| 14.18 | Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương (VPBank AMC) | | | | | | | - | Công ty do người kê khai làm Chủ tịch HĐQT |
| 14.19 | Công đoàn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương Hội số | | | | | | 7.587.258 | 0,113% | Ông Nguyễn Thanh Bình là chủ tịch Công đoàn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương Hội số |
| 15 | Đình Văn Nho | | | | | | 1.588.107 | 0,024% | Bố ruột |
| 15.1 | Đình Văn Thiệu | | | | | | - | - | Mé ruột |
| 15.2 | Cao Thị Đệ | | | | | | - | - | Mé vợ |
| 15.3 | Hoàng Thị Thanh | | | | | | - | - | Vợ |
| 15.4 | Nguyễn Chinh Thăng | | | | | | - | - | Con ruột |
| 15.5 | Đình Mai Chi | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ |
| 15.6 | Đình Minh Anh | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ |
| 15.7 | Đình Việt Dũng | | | | | | - | - | Con ruột - Con nhỏ |
| 15.8 | Đình Thị Thương | | | | | | - | - | Em ruột |
| 15.9 | Đình Văn Tùng | | | | | | - | - | Em rể |
| 15.10 | Đặng Quang Tân | | | | | | - | - | Em rể |
| 15.11 | Nguyễn Thị Thu | | | | | | - | - | Em dậu |
| 16 | Phùng Duy Khuong | | | | | | 1.222.486 | 0,018% | Phó Tổng Giám đốc thường trực phụ trách phía Nam |
| 16.1 | Phùng Quốc Khách | | | | | | - | - | Bố ruột |
| 16.2 | Lương Thị Kim Phụng | | | | | | - | - | Mé ruột |
| 16.3 | Phùng Cao Khang | | | | | | - | - | Con ruột |
| 16.4 | Phùng An Lam | | | | | | - | - | Con ruột |
| 16.5 | Phùng Thị Tường Vi | | | | | | - | - | Em ruột |
| 16.6 | Nguyễn Lê Bá Huy | | | | | | - | - | Em rể |
| 17 | Phạm Thị Nhung | | | | | | 1.010.995 | 0,015% | Phó Tổng Giám đốc |
| 17.1 | Phạm Đình Thạc | | | | | | - | - | Bố ruột |
| 17.2 | Lương Thị Hiền | | | | | | - | - | Mé ruột |
| 17.3 | Trương Văn Ngang | | | | | | - | - | Bố chồng - Đã mất |
| 17.4 | Vị Thị Hồng Miêu | | | | | | - | - | Mé chồng |
| 17.5 | Trương Ví Tuấn | | | | | | - | - | Chồng |
| 17.6 | Trương Ví Tháo | | | | | | - | - | Con gái |
| 17.7 | Trương Phúc Quân | | | | | | - | - | Con trai - Con nhỏ |
| 17.8 | Phạm Thị Thu Hiền | | | | | | - | - | Em ruột |
| 17.9 | Nguyễn Văn Hòa | | | | | | - | - | Em rể |

| | | | | | | | | | | |
|-------|--|--|---|--|--|---------|--|---------|--|---|
| 17.10 | Công ty TNHH Thịnh Kiên | | | | | | | | | Công ty do người nội bộ sở hữu 20% vốn điều lệ và giữ chức vụ chủ tịch HĐQT |
| 17.11 | Công ty TNHH Tư vấn và kinh doanh bất động sản YPC | | | | | | | | | Công ty do người nội bộ sở hữu 10% vốn điều lệ |
| 17.12 | Công ty TNHH Thịnh Điện | | | | | | | | | Công ty do người nội bộ giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT |
| 17.13 | Công ty CP dịch vụ trực tuyến Rồng Việt | | | | | | | | | Công ty do ông Trương Văn Tuấn sở hữu 100% vốn điều lệ và giữ chức vụ Giám đốc |
| 17.14 | Công ty TNHH Thẩm định giá Thịnh Tín | | | | | | | | | Công ty do người nội bộ sở hữu 21,154% vốn điều lệ và giữ chức vụ chủ tịch HĐQT |
| 18 | Lê Hoàng Khánh An | | Giám đốc Tài chính | | | 373.692 | | 0,0006% | | |
| 18.1 | Lê Quang Minh | | | | | - | | - | | Bố ruột |
| 18.2 | Hoàng Thị Tâm | | | | | - | | - | | Mẹ ruột |
| 18.3 | Lê Hoàng Khánh Trang | | | | | - | | - | | Em ruột |
| 18.4 | Phạm Lương Tiên | | | | | - | | - | | Em rể |
| 19 | Nguyễn Thị Thu Hằng | | Kế Toán Trưởng | | | 394.740 | | 0,0006% | | |
| 19.1 | Nguyễn Văn Mão | | | | | - | | - | | Bố ruột - Đã mất |
| 19.2 | Bùi Thị Hà | | | | | - | | - | | Mẹ ruột |
| 19.3 | Hoàng Văn Quý | | | | | - | | - | | Bố chồng - Đã mất |
| 19.4 | Hoàng Thị Nghĩa | | | | | - | | - | | Mẹ chồng - Đã mất |
| 19.5 | Hoàng Đức Tiên | | | | | - | | - | | Chàng |
| 19.6 | Hoàng Vũ | | | | | - | | - | | Con ruột |
| 19.7 | Hoàng Lan Phương | | | | | - | | - | | Con ruột |
| 19.8 | Nguyễn Bích Thủy | | | | | - | | - | | Chị ruột - Đã mất |
| 19.9 | Nguyễn Việt Long | | | | | - | | - | | Em rể |
| 19.10 | Nguyễn Thị Bích Ngọc | | | | | - | | - | | Em ruột |
| 20 | Lê Lan Kim | | Người phụ trách quản trị Công ty/thư ký công ty | | | 634.042 | | 0,0009% | | |
| 20.1 | Lê Đình Hương | | | | | - | | - | | Bố ruột - Đã mất |
| 20.2 | Lê Bạch Yến | | | | | - | | - | | Mẹ ruột |
| 20.3 | Hoàng Thị Huy | | | | | - | | - | | Mẹ chồng |
| 20.4 | Nguyễn Xuân Minh | | | | | - | | - | | Bố chồng - Đã mất |
| 20.5 | Nguyễn Xuân Thăng | | | | | 750 | | 0,000% | | Chàng |
| 20.6 | Nguyễn Anh Thư | | | | | - | | - | | Con ruột - Con nhỏ |
| 20.7 | Nguyễn Khánh Hà | | | | | - | | - | | Con ruột - Con nhỏ |
| 20.8 | Lê Hà An | | | | | - | | - | | Chị gái |
| 20.9 | Lê Bảo Ngọc | | | | | 534 | | 0,000% | | Em trai |
| 20.10 | Lê Quý Bầu | | | | | - | | - | | Anh rể |
| 20.11 | Đình Thị Kiên Giang | | | | | - | | - | | Em dâu |

2. Giao dịch cổ phiếu trong năm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| STT | Người thực hiện giao dịch | Cổ đông nội bộ/Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021) | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022) | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, có tức thưởng...) |
|-----|---------------------------|--|---|--------|--|--------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Ngô Chi Dũng | Chú tịch HĐQT | 219.035.933 | 4,861% | 328.553.899 | 4,872% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 2 | Vũ Thị Quyên | Mẹ ruột ông Ngô Chi Dũng | 217.259.302 | 4,822% | 325.888.953 | 4,833% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 3 | Phạm Công Việt | Bố vợ ông Ngô Chi Dũng | 60.107 | 0,001% | 90.160 | 0,001% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 4 | Đặng Thị Lâm | Mẹ vợ ông Ngô Chi Dũng | 262.134 | 0,006% | 393.201 | 0,006% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 5 | Hoàng Anh Minh | Vợ ông Ngô Chi Dũng | 217.835.462 | 4,835% | 326.753.193 | 4,846% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 6 | Ngô Minh Phương | Con ruột ông Ngô Chi Dũng | 7.199.920 | 0,160% | 10.799.880 | 0,160% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 7 | Trần Ngọc Bé | Anh rể ông Ngô Chi Dũng | 34.419.847 | 0,764% | 51.629.770 | 0,766% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 8 | Lê Thiệu Sơn | Anh rể ông Ngô Chi Dũng | 49 | 0,000% | 73 | 0,000% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 9 | Bùi Hải Quân | Phó chủ tịch HĐQT | 104.219.468 | 2,313% | 156.329.202 | 2,318% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 10 | Kim Ngọc Cẩm Ly | Vợ ông Bùi Hải Quân | 191.069.309 | 4,241% | 286.603.963 | 4,250% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 11 | Lô Bằng Giang | Phó chủ tịch HĐQT | 5.499.544 | 0,122% | 8.249.316 | 0,122% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 12 | Lý Thị Thu Hà | Mẹ ruột ông Lô Bằng Giang | 188.085.055 | 4,174% | 282.127.582 | 4,184% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 13 | Nguyễn Thu Thủy | Vợ ông Lô Bằng Giang | 135.566.274 | 3,009% | 203.349.411 | 3,016% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 14 | Lô Hải Yên Ngọc | Chị ruột ông Lô Bằng Giang | 2.917.506 | 0,065% | 4.376.259 | 0,065% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 15 | Nguyễn Đức Vinh | Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT | 68.936.680 | 1,530% | 104.905.020 | 1,556% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 16 | Đỗ Quỳnh Ngân | Vợ ông Nguyễn Đức Vinh | 29.126.735 | 0,646% | 43.690.102 | 0,648% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 17 | Nguyễn Đức Giang | con ruột ông Nguyễn Đức Vinh | 18.111.345 | 0,402% | 27.167.017 | 0,403% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 18 | Nguyễn Thị Mai Trinh | Trưởng ban kiểm soát (đã từ nhiệm từ 26/12/2022) | 116.821 | 0,003% | 212.731 | 0,003% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 19 | Trần Thị Bạch Mai | Mẹ ruột bà Nguyễn Thị Mai Trinh (đã từ nhiệm từ 26/12/2022) | 15 | 0,000% | 22 | 0,000% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 20 | Dương Nguyễn Mai Linh | Con ruột bà Nguyễn Thị Mai Trinh (đã từ nhiệm từ 26/12/2022) | 447 | 0,000% | 670 | 0,000% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |

| STT | Người thực hiện giao dịch | Cổ đông nội bộ/Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021) | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022) | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, cổ tức thưởng...) |
|-----|---|---|---|--------|--|--------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 21 | Trình Thị Thanh Hằng | Thành viên Ban Kiểm soát | 96.370 | 0,002% | 144.555 | 0,002% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 22 | Kim Ly Huyền | Trưởng Ban Kiểm soát | 179.998 | 0,004% | 269.997 | 0,004% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 23 | Vũ Hồng Cao | Thành viên Ban Kiểm soát | 252.570 | 0,006% | 378.855 | 0,006% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 24 | Lưu Thị Thảo | Phó Tổng Giám đốc | 6.539.146 | 0,145% | 9.838.869 | 0,146% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 25 | Dương Thị Thu Thủy | Phó Tổng Giám đốc | 1.328.785 | 0,029% | 2.119.177 | 0,031% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 26 | Dương Mỹ Hạnh | Em ruột bà Dương Thị Thu Thủy | 2.600 | 0,000% | 7.400 | 0,000% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 27 | Nguyễn Thành Long | Phó Tổng Giám đốc | 239.361 | 0,005% | 396.541 | 0,006% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 28 | Nguyễn Thị Vân Khanh | Vợ ông Nguyễn Thành Long | - | 0,000% | 35.000 | 0,001% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua cổ phiếu |
| 29 | Phạm Phú Khải | Phó Tổng Giám đốc | 360.967 | 0,008% | 593.950 | 0,009% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 30 | Ngô Thị Chinh | Mẹ vợ ông Phạm Phú Khải | 3.858 | 0,000% | 5.787 | 0,000% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 31 | Nguyễn Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc | 381.576 | 0,008% | 572.364 | 0,008% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 32 | Nguyễn Thị Ngọc Anh | Vợ ông Nguyễn Thanh Bình | 1.319.972 | 0,029% | 1.979.958 | 0,029% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 33 | Nguyễn Thanh Bắc | Em ruột ông Nguyễn Thanh Bình | 29.323 | 0,001% | 12.234 | 0,000% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP, mua và bán cổ phiếu |
| 34 | Công đoàn Ngân hàng TMCP Việt Nam Tỉnh Vương Hội sở | Ông Nguyễn Thanh Bình là chủ tịch Công đoàn Ngân hàng TMCP Việt Nam Tỉnh Vương Hội sở | 4.861.083 | 0,108% | 7.587.258 | 0,113% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua cổ phiếu |
| 35 | Đinh Văn Nho | Phó Tổng Giám đốc | 1.023.738 | 0,023% | 1.588.107 | 0,024% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 36 | Phùng Duy Khương | Phó Tổng Giám đốc | 764.991 | 0,017% | 1.222.486 | 0,018% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |

| STT | Người thực hiện giao dịch | Cổ đông nội bộ/Quan hệ với cổ đông nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (31/12/2021) | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2022) | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, cổ tức thưởng...) |
|-----|---------------------------|---|---|--------|--|--------|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 37 | Phạm Thị Nhung | Phó Tổng Giám đốc | 638.997 | 0,014% | 1.010.995 | 0,015% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 38 | Lê Hoàng Khánh An | Giám đốc Tài chính | 219.128 | 0,005% | 373.692 | 0,006% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 39 | Nguyễn Thị Thu Hằng | Kế Toán Trưởng | 251.060 | 0,006% | 394.740 | 0,006% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP, mua và bán cổ phiếu |
| 40 | Lê Lan Kim | Người phụ trách quản trị Công ty/thư ký công ty | 406.795 | 0,009% | 634.042 | 0,009% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần, mua ESOP |
| 41 | Nguyễn Xuân Thắng | Chồng bà Lê Lan Kim | 600 | 0,000% | 750 | 0,000% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |
| 42 | Lê Bảo Ngọc | Em trai bà Lê Lan Kim | 356 | 0,000% | 534 | 0,000% | Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần |